

Bản án số: **24/2024/HNGĐST**
Ngày 03-5-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đĩnh**.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị X** – sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Thới Hòa A, thị trấn C Đ, huyện C Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Th** – sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Thạnh Đông, xã Th Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Th quen nhau do sự mai mối của bạn bè đi đến tổ chức cưới vào tháng 3/2003, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Th Đ B ngày 11/3/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 4/2004 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho tới 2016 thì phát mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh Th chỉ lo ăn chơi không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả từ đó dẫn đến không hạnh phúc, không thể tự giải quyết được và đến năm 2021 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: 1. Nguyễn Thị Thúy Ng – sinh ngày 18/12/2005; 2. Nguyễn Văn V – sinh ngày 5/9/2008

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tại phiên tòa chị X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: chị Xg yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ con chung: chị X xin được nuôi cháu Nguyễn Văn V – sinh ngày 5/9/2008, chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy Ng – sinh ngày 18/12/2005 đã đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Th được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên về thời hạn xét xử thì Thẩm phán đã vi phạm cần rút kinh nghiệm.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do nên không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn V – sinh ngày 03/09/2008 cho chị X nuôi, chị X không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy Ng – sinh ngày 18/12/2005 đã đến tuổi trưởng thành chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí*: chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị X yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

Xét yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy chị Xg và Th chung sống với nhau được UBND xã Th Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/3/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, chị X đã nhiều lần khuyên anh Th nhưng anh Th không sửa đổi đến năm 2021 thì vợ chồng ly thân cho đến nay

Tại phiên tòa, chị X vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy: anh Th, chị X chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, mặt khác anh Th đã được Tòa án tổng đạt các giấy triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Th vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy vợ chồng anh Th, chị X đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; ngoài ra, chị X và anh Th đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị X yêu cầu được ly hôn với anh Th là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn V – sinh ngày 05/9/2008 của chị Nguyễn Thị X. Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn V thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ là chị X, mặt khác hiện nay cháu V vẫn đang được chị X nuôi dưỡng và chị X vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Ngoài ra cháu V còn nhỏ cần có sự quan tâm và chăm sóc của người mẹ, việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị X là có cơ sở chấp nhận. Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh ngày 18/12/2005 hiện đã trưởng thành chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét

[3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Do chị X không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị X xác nhận không có, không yêu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị X.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn V – sinh ngày 03/09/2008 cho chị X nuôi, chị X không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Riêng cháu Nguyễn Thị Thúy Ng – sinh ngày 18/12/2005 đã đến tuổi trưởng thành chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết miễn xét.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003622, ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Th Đ B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo